Báo cáo cập nhật

ACB - Ngân hàng Á Châu

BSC

18/06/2019

Khuyến nghị MUA

Vương Chí Tâm (PTCB)
tamvc@bsc.com.vn

Giá mục tiêu	32,686
Giá đóng cửa	28,700
Upside	13.9%

Lê Quốc Trung (PTKT)
trunglq@bsc.com.vn

Giá mục tiêu	32,400
Giá cắt lỗ	28,000

Dữ liệu thị trường

Số lượng cp (tr cp)	1,126
Vốn hóa (tỷ đ)	35,793
Giá cao nhất 52 tuần	34,610
Khối lượng giao dịch bình quân 10 ngày (cp)	749,650
Sở hữu NĐT NN	30%

Cổ đông lớn (%)

Dragon Financial Holdings	6.87%
Sather Gate Investments	4.99%
Whistler Investments	4.99%
Standard Chartered Bank	4.98%
Estes Investments	4.38%

Diễn biến giá

Tổng quan về công ty: ACB hiện là ngân hàng được đánh giá cao về chất lượng tài sản (đã trích lập dự phòng xong nhóm G6 và VAMC).

CẬP NHẬT KQKD QUÝ 1/2019

ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** với cổ phiếu ACB với giá mục tiêu 32,686 VND/cp, upside 13.9% với phương pháp P/B = 1.8x (trung bình ngành hiện nay = 1.x). Chúng tôi áp dụng mức P/B = 1.8x do ACB là một cổ phiếu tốt với khả năng sinh lời cao, là lựa chọn tốt để đầu tư trong các mã cổ phiếu ngân hàng cùng việc tích cực thu hồi nợ nhóm G6 trong năm 2019.

DỰ BÁO KQKD 2019.

BSC dự báo, ACB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 15,915 tỷ VND (+13.4% yoy) và 7,205 tỷ VND (+12.8% yoy), không thay đổi nhiều so với dự báo trước của chúng tôi với giả định (1) tăng trưởng tín dụng +13% trong năm 2019, bằng mức cho phép của SBV, (2) NIM = 3.49%, giảm nhẹ so với mức 3.55% trong năm 2018 do xu hướng tăng lãi suất huy động, (3) NPL = 0.73%, tỷ lệ bao nợ xấu = 160%, (4) thu hồi nợ xấu ngoại bảng = 2,000 tỷ VND.

CATALYST

Đẩy mạnh thu hồi nợ nhóm G6. (Năm 2018 đã thu được 1,800 tỷ VND).

RỦI RO ĐẦU TƯ

(1) Áp lực tăng trưởng làm tăng NPL, (2) xung đột lợi ích giữa các cổ đông lớn.

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP (chi tiết tham khảo trang 2)

KQKD 1Q2019. TOI = 3,490 tỷ VND (+5.65% yoy), PBT = 1,707 tỷ VND (+14.6% yoy).

Thu nhập lãi thuần trong quý 1/2019 đạt mức 2,857 tỷ VND (+20.4% yoy) nhờ (1) tăng trưởng tín dụng +3.84% yoy, (2) TTS +1.96% ytd, cho vay khách hàng +2.96% ytd, tiền gửi khách hàng +1.88% ytd, (3) NIM = 3.59%

Chất lượng tài sản tiếp tục được cải thiện. Trong quý 1/2019, chất lượng tài sản của ACB tiếp tục được cải thiện, NPL = 0.68% (quý 4/2018 = 0.73%). Tỷ lệ bao nợ xấu của ACB cũng luôn được giữ ở mức cao = 158%, chỉ đứng sau VCB. Điều này giúp ACB đảm bảo được những biến động lớn từ thị trường.

Kế hoạch 2019. Tăng trưởng tín dụng = 13%, huy động khách hàng +15%, NPL < 2%, LNTT = 7,279 tỷ VND (+13.9% yoy).

Tình hình chung ngành Ngân hàng trong quý 1/2019. Tăng trưởng tín dụng trong quý 1/2019 toàn ngành ngân hàng đạt mức 3.57% trên mức 14% được SBV đặt kế hoạch cho năm 2019. Tổng thu nhập hoạt động (TOI) +10% yoy, PBT +12.8% yoy. Trung bình NIM toàn ngành đạt mức 3.08% (1Q2018 = 3.11%), doanh thu từ phí dịch vụ +48% yoy. Chất lượng tài sản được cải thiện, NPL = 1.36% (-5 bps), tỷ lệ bao nợ xấu = 74%.

KQKD 1Q2019. TOI = 3,490 tỷ VND (+5.65% yoy), PBT = 1,707 tỷ VND (+14.6% yoy).

Thu nhập lãi thuần trong quý 1/2019 đạt mức 2,857 tỷ VND (+20.4% yoy) nhờ (1) tăng trưởng tín dụng +3.84% yoy, (2) TTS +1.96% ytd, cho vay khách hàng +2.96% ytd, tiền gửi khách hàng +1.88% ytd, (3) NIM = 3.59%, giảm 23 bps so với quý 4/2018 tuy nhiên được cải thiện so với mức 3.41% cùng kỳ. Về xu hướng thu nhập lãi thuần trong năm 2019 của ACB, chúng tôi đánh giá có khả năng sẽ giảm nhẹ theo xu hướng chung của toàn ngành. Theo dự báo của BSC, trong năm 2019, thu nhập lãi thuần của ACB sẽ ghi nhận mức 11,635 tỷ VND (+12.3% yoy), NIM 2019 = 3.49%.

Thu nhập ngoài lãi tiếp tục được tập trung đẩy mạnh đầu tư. Trong năm 2019, ACB sẽ tập trung đầu tư vào mảng fintech để tăng gấp đôi lượng khách hàng lên 5 triệu khách hàng trong giai đoạn 2019-2021, từ đó có thể tiếp tục tăng trưởng về thu nhập từ phí thẻ và dịch vụ đi kèm. Về mảng bancasurrance, ACB đang có kế hoạch tìm đối tác độc quyền trong năm 2020 và đặt kế hoạch tăng trưởng phí bancassurance gấp 3 lần vào năm 2019. Về thu nhập từ phí, ACB cũng đặt kế hoạch phí từ thẻ +40% trong năm 2019.

Chất lượng tài sản tiếp tục được cải thiện. ACB là một trong những ngân hàng ưa thích của chúng tôi do có chất lượng tài sản tốt, hiện nay chỉ đứng sau VCB. Trong quý 1/2019, chất lượng tài sản của ACB tiếp tục được cải thiện, NPL = 0.68% (quý 4/2018 = 0.73%). Tỷ lệ bao nợ xấu của ACB cũng luôn được giữ ở mức cao = 158%, chỉ đứng sau VCB. Điều này giúp ACB đảm bảo được những biến động lớn từ thị trường. ACB hiện là 1/6 ngân hàng đáp ứng chuẩn Basel II trước hạn 2020 của SBV với CAR = 9%, cao hơn so với mức 8% yêu cầu.

Kế hoạch 2019. Tăng trưởng tín dụng = 13%, huy động khách hàng +15%, NPL < 2%, LNTT = 7,279 tỷ VND (+13.9% yoy). Trong năm 2019, ACB cũng sẽ phát hành 6.2 triệu cổ phiếu ESOP cho nhân viên và được huy động từ quỹ KTPL để mua cổ phiếu quỹ. Bên cạnh đó, ACB cũng sẽ bán 6.222 triệu cổ phiếu quỹ để tăng tỷ lệ CAR đáp ứng chuẩn Basel II. Về cổ tức, trong năm 2019, ACB sẽ chia cổ tức bằng cổ phiếu 20%, cổ tức bằng tiền 10%.

Dự báo 2019. BSC dự báo, ACB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 15,915 tỷ VND (+13.4% yoy) và 7,205 tỷ VND (+12.8% yoy), không thay đổi nhiều so với dự báo trước của chúng tôi với giả định (1) tăng trưởng tín dụng +13% trong năm 2019, bằng mức cho phép của SBV, (2) NIM = 3.49%, giảm nhẹ so với mức 3.55% trong năm 2018 do xu hướng tăng lãi suất huy động, (3) NPL = 0.73%, tỷ lệ bao nợ xấu = 160%, (4) thu hồi nợ xấu ngoại bảng = 2,000 tỷ VND. Hiện nay, ACB đang được giao dịch với mức P/E = 6.73x, P/B = 1.6x, tương đương mức trung bình ngành P/B = 1.58x.

Phân tích kỹ thuật

ACB_ TÍCH LŨY

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên và hướng tới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, giảm từ kênh Bollinger trên.
- Đường MA: 3 đường MA đều có xu hướng đi ngang.

Nhận định: Cổ phiếu ACB đang nằm trong xu hướng tích lại ngưỡng giá 28.5. Thanh khoản cổ phiếu đang duy trì ở mức giao dịch trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD đang ủng hộ xu hướng tăng giá trong khi chỉ báo RSI duy trì xu hướng điều chỉnh. Dải mây Ichimoku tuy đang nâng đỡ đường giá nhưng vẫn nằm trong xu hướng đi ngang cho thấy động lực tích lũy vẫn khá vững chắc. Vận động 3 đường MA cũng đang tập trung dao động quanh ngưỡng giá 30. Như vậy, ACB sẽ vận động tích lũy tại vùng giá 28.5-30 trong ngắn hạn khi trước khi tăng trở lại ngưỡng giá 32.5 trong giai đoạn tới.

Khuyến nghị: Các nhà đầu tư có thể mở vị thê tại ngưỡng 28.5 và chốt lãi tại ngưỡng giá 32.4. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 28.

Đồ thị kỹ thuật ACB

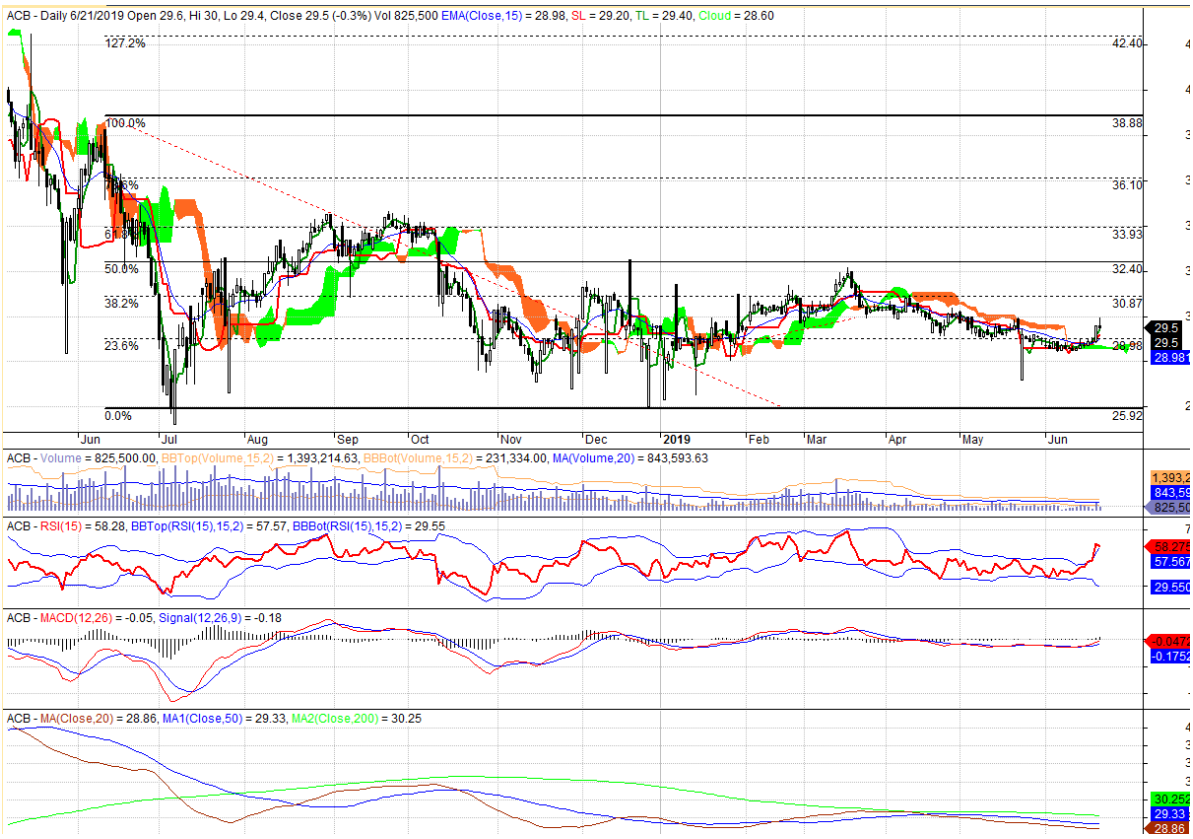

Nguồn: Amibroker, BSC

Phụ lục 01: Tổng quan về ACB

	Q4/2017	Q1/2018	Q2/2018	Q3/2018	Q4/2018	Q1/2019
QUY MÔ						
Vốn điều lệ (tỷ đ)	10,273	10,273	11,259	11,259	12,886	12,886
VCSH (tỷ đ)	16,031	17,177	18,319	19,519	21,018	22,383
Tổng tài sản (tỷ đ)	284,316	299,855	309,968	312,778	329,333	335,803
Vốn chủ sở hữu/TTS	5.64%	5.73%	5.91%	6.24%	6.38%	6.67%
TĂNG TRƯỞNG (YOY)						
Tăng trưởng tài sản	21.67%	19.21%	16.60%	15.73%	15.83%	11.99%
Tăng trưởng cho vay	21.46%	19.31%	22.14%	19.77%	16.16%	12.14%
Tăng trưởng tiền gửi	16.59%	16.73%	16.34%	14.50%	11.85%	6.51%
CASA/huy động	15.82%	15.44%	15.36%	15.28%	16.67%	16.12%
Cho vay/tiền gửi	82.22%	81.96%	82.85%	82.45%	85.38%	86.29%
CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN						
Tỷ lệ nợ xấu	0.71%	0.71%	0.78%	0.84%	0.73%	0.68%
Tỷ lệ nợ xấu bao gồm nợ bán cho VAMC	0.71%	0.71%	0.78%	0.84%	0.73%	0.68%
DPRR nợ xấu/ Tổng dư nợ	0.94%	0.95%	1.02%	1.08%	1.11%	1.08%
DPRR nợ xấu/ Tổng nợ xấu	132.74%	134.65%	130.79%	129.55%	151.89%	158.10%
Lãi thực thu/ TN lãi (ytd)	92.87%	115.82%	105.62%	99.00%	99.00%	99.00%
Lãi, phí phải thu/ cho vay	1.82%	1.28%	1.07%	1.31%	1.51%	1.13%
Tài sản nghi ngờ	10,021	9,186	8,859	9,181	9,631	9,318
% TTS	4%	3%	3%	3%	3%	3%
% VCSH	63%	53%	48%	47%	46%	42%
HIỆU QUẢ KINH DOANH (YOY)						
% Thu nhập lãi thuần	69.01%	71.83%	77.64%	76.28%	70.57%	81.85%
LN thuần trước DPRRTD (tỷ đ)	1,726	1,624	1,972	1,840	1,884	1,691
% yoy	60.18%	35.10%	92.12%	45.28%	9.17%	4.13%
Chi phí DPRR TD (tỷ đ)	1,074	134	311	215	272	(16)
% vs LN trước DP	62.22%	8.25%	15.78%	11.68%	14.45%	-0.93%
LNTT (tỷ đ)	652	1,490	1,661	1,625	1,612	1,707
% yoy	54%	150.5%	149%	119%	147%	15%
NIM (TTM)	3.59%	3.41%	3.40%	3.43%	3.82%	3.59%
CIR (TTM)	50.00%	50.84%	38.47%	45.24%	54.75%	51.54%
ROA (TTM)	0.85%	1.57%	1.73%	1.68%	1.70%	1.64%
ROE (TTM)	15.04%	27.57%	29.70%	27.69%	26.94%	25.18%
EPS pha loãng (TTM)	2,302	4,456	4,682	4,652	4,238	4,240
Giá trị ghi sổ (đ/cp)	15,604	16,720	16,270	17,336	16,311	17,371

Nguồn: BSC research

Ngân hàng Á Châu (ACB)

BSC

Phụ lục 02: Tổng quan các ngân hàng niêm yết 1Q2019

	ACB	BID	CTG	HDB	LPB	MBB	STB	TCB	TPB	VCB	VIB	VPB
Quy mô												
Vốn điều lệ (tỷ đ)	**12,886**	34,187	37,234	9,810	8,881	21,605	18,852	34,966	8,566	37,089	7,835	25,300
VCSH (tỷ đ)	**22,383**	56,652	70,125	17,713	11,618	36,131	25,477	53,875	11,342	72,992	11,253	36,180
Tổng tài sản (tỷ đ)	**335,803**	1,342,939	1,146,774	202,563	181,901	383,219	425,033	326,112	139,944	1,073,33	144,836	322,080
Vốn chủ sở hữu/TTS	**6.67%**	4.22%	6.11%	8.74%	6.39%	9.43%	5.99%	16.52%	8.10%	6.80%	7.77%	11.23%
Tăng trưởng (ytd)												
Tăng trưởng tài sản	**1.96%**	2.28%	-1.51%	-6.27%	3.89%	5.76%	4.68%	1.58%	2.76%	0.03%	4.20%	-0.38%
Tăng trưởng cho vay	**2.96%**	3.61%	-0.39%	4.71%	3.83%	6.75%	5.61%	2.43%	9.77%	6.38%	6.00%	4.51%
Tăng trưởng tiền gửi	**1.88%**	2.55%	-0.15%	-1.07%	0.72%	0.95%	8.03%	3.23%	2.33%	4.49%	4.48%	10.11%
CASA	**16.12%**	14.37%	14.58%	8.72%	11.23%	25.07%	15.02%	26.71%	16.03%	27.97%	11.58%	9.32%
Cho vay/tiền gửi	**86.29%**	100.94%	104.48%	101.77%	98.34%	94.60%	71.85%	78.78%	108.74%	80.29%	114.93%	123.04%
Chất lượng tài sản												
Tỷ lệ nợ xấu	**0.68%**	1.74%	1.85%	1.45%	1.36%	1.41%	2.14%	1.78%	1.39%	1.03%	2.62%	3.62%
Tỷ lệ nợ xấu bao gồm nợ bán cho VAMC	**0.68%**	2.83%	3.11%	1.79%	1.75%	1.41%	13.86%	1.78%	1.89%	1.03%	2.62%	4.40%
DPRR nợ xấu/ Tổng dư nợ	**1.08%**	1.22%	1.89%	1.07%	1.27%	1.36%	1.40%	1.56%	1.23%	1.75%	1.05%	1.75%
DPRR nợ xấu/ Tổng nợ xấu	**158.10%**	70.17%	101.93%	73.94%	93.41%	96.49%	65.30%	87.66%	88.83%	169.17%	39.98%	48.30%
Lãi, phí phải thu/ cho vay	**1.13%**	1.23%	0.81%	2.77%	2.91%	1.53%	8.26%	2.89%	1.38%	1.18%	1.42%	1.95%
Tài sản nghi ngờ	**9,318**	82,143	66,873	12,420	10,902	27,111	88,518	18,017	11,982	34,546	7,280	42,408
% TTS	**2.77%**	6.12%	5.83%	6.13%	5.99%	7.07%	20.83%	5.52%	8.56%	3.22%	5.03%	13.17%
% VCSH	**41.63%**	145.00%	95.36%	70.12%	93.84%	75.04%	347.44%	33.44%	105.64%	47.33%	64.69%	117.21%
Đòn bẩy tài chính	**15.0**	23.7	16.4	11.4	15.7	10.6	16.7	6.1	12.3	14.7	12.9	8.9
CAR (2018)	**12.81%**	9.02%	0.00%	12.10%	10.85%	10.90%	11.88%	14.30%	10.24%	12.14%	12.90%	12.30%
Hiệu quả kinh doanh (ytd)												
% Thu nhập lãi thuần	**81.85%**	219.45%	204.09%	180.11%	274.10%	131.63	207.56%	136.59	142.13%	136.76%	175.01%	142.88%
LN thuần trước DPRRTD (tỷ đ)	**1,691**	7,707	6,394	1,328	645	3,389	1,491	2,784	1,008	7,384	966	4,987
% yoy	**4.13%**	-9.31%	18.88%	2.66%	13.43%	29.80%	155.05%	-17.93%	73.76%	26.07%	57.47%	-5.39%
Chi phí DPRR TD (tỷ đ)	**-16**	5,187	3,242	227	133	964	430	167	155	1,506	156	3,204
% vs LN trước DP	**-0.93%**	67.29%	50.69%	17.06%	20.70%	28.46%	28.83%	6.01%	15.37%	20.39%	16.18%	64.26%
LNTT	**1,707**	2,521	3,153	1,102	511	2,424	1,061	2,617	853	5,878	810	1,783
% yoy	**14.55%**	1.41%	4.14%	5.25%	0.80%	26.36%	110.70%	1.88%	66.32%	34.84%	56.31%	-31.94%
LNTT (kế hoạch)	**7,279**	10,300	9,500	5,077	1,900	9,560	2,607	11,750	3,200	20,000	3,400	9,500
NIM (TTM)	**3.53%**	2.72%	2.09%	4.12%	3.15%	4.60%	2.41%	4.13%	3.88%	3.08%	3.91%	8.88%
CIR (TTM)	**51.54%**	28.00%	33.61%	46.13%	52.91%	37.87%	57.89%	36.64%	47.13%	37.25%	43.63%	37.37%
ROA (TTM)	**1.66%**	0.57%	0.48%	1.43%	0.52%	1.84%	0.55%	2.70%	1.49%	1.54%	1.79%	2.17%
ROE (TTM)	**26.38%**	13.47%	8.01%	17.53%	8.79%	19.38%	9.18%	16.78%	18.87%	24.66%	23.28%	19.68%
EPS (đồng/cp) (TTM)	**4,297**	2,150	1,483	2,939	1,145	3,029	1,241	2,434	2,343	4,372	3,233	2,718
Giá trị ghi sổ (đ/cp)	**17,947**	15,666	18,751	16,759	13,081	16,338	14,125	15,385	13,335	19,661	14,974	14,727
Định giá												
P/E	**7.61**	15.40	13.76	8.88	7.32	7.08	9.75	9.53	9.18	15.01	5.68	6.71
P/B	**1.64**	2.11	1.09	1.56	0.64	1.31	0.86	1.51	1.61	3.34	1.23	1.24

Ngân hàng Á Châu (ACB)

BSC

Phụ lục 03: Dự báo 2019

	2014	2015	2016	2017	2018	2019
QUY MÔ						
Vốn điều lệ (tỷ đ)	9,377	9,377	9,377	10,273	12,886	14,174
VCSH (tỷ đ)	12,397	12,788	14,063	16,031	21,018	25,740
Tổng tài sản (tỷ đ)	179,610	201,457	233,681	284,316	329,333	366,812
Vốn chủ sở hữu/TTS	6.90%	6.35%	6.02%	5.64%	6.38%	7.02%
TĂNG TRƯỞNG (YOY)						
Tăng trưởng tài sản	7.81%	12.16%	16.00%	21.67%	15.83%	11.38%
Tăng trưởng cho vay	8.52%	16.35%	20.73%	21.49%	16.13%	13.03%
Tăng trưởng tiền gửi	11.95%	13.13%	18.37%	16.59%	11.85%	11.22%
CASA/huy động	13.28%	15.21%	15.40%	15.82%	16.67%	17.99%
Cho vay/tiền gửi	75.24%	77.38%	78.92%	82.24%	85.38%	86.77%
CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN						
Tỷ lệ nợ xấu	2.18%	1.31%	0.87%	0.70%	0.73%	0.73%
Tỷ lệ nợ xấu bao gồm nợ bán cho VAMC	3.04%	2.39%	1.51%	0.71%	0.73%	0.73%
DPRR nợ xấu/ Tổng dư nợ	1.36%	1.14%	1.10%	0.93%	1.11%	1.17%
DPRR nợ xấu/ Tổng nợ xấu	62.32%	87.02%	126.49%	132.74%	151.89%	160.00%
Lãi thực thu/ TN lãi (ytd)	103.18%	103.24%	97.86%	98.39%	100.50%	100.50%
Lãi, phí phải thu/ cho vay	2.80%	2.07%	1.98%	1.80%	1.51%	1.50%
Tài sản nghi ngờ	16,513	14,145	12,523	9,999	9,631	10,370
% TTS	9%	7%	5%	4%	3%	3%
% VCSH	133%	111%	89%	62%	46%	40%
HIỆU QUẢ KINH DOANH (YOY)						
% Thu nhập lãi thuần	80.52%	94.59%	91.13%	73.94%	73.85%	72.87%
LN thuần trước DPRRTD (tỷ đ)	2,095	2,199	2,885	5,222	7,321	8,303
% yoy	10.82%	4.96%	31.20%	81.01%	40.21%	13.42%
Chi phí DPRR TD (tỷ đ)	879	884	1,218	2,565	932	1,097
% vs LN trước DP		40.23%	42.21%	49.13%	12.74%	13.21%
LNST (tỷ đ)	952	1,028	1,325	2,118	5,137	5,765
% yoy	15%	8%	29%	60%	143%	12%
NIM (TTM)	3.01%	3.33%	3.36%	3.44%	3.55%	3.49%
CIR (TTM)	64.61%	64.65%	61.86%	54.35%	47.83%	48.00%
ROA (TTM)	0.55%	0.54%	0.61%	0.82%	1.67%	1.66%
ROE (TTM)	7.64%	8.17%	9.87%	14.08%	27.73%	24.66%
EPS (đồng/cp) (TTM)	1,015	1,086	1,360	2,042	3,870	3,948
EPS pha loãng (TTM)	1,015	1,086	1,360	2,042	3,870	3,948
Giá trị ghi sổ (đ/cp)	13,221	13,637	14,997	15,604	16,311	18,159

Nguồn: BSC research

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về Vĩ mô, ngành và doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

https://www.bsc.com.vn
https://www.facebook.com/BIDVSecurities

Bloomberg: BSCV <GO>